Biểu 10/CH

1B

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN KIM BẢNG

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
I	**Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh**																																								
1.1	***Công trình, dự án sử dụng vào mục đích an ninh, quốc phòng***																																								
1	Công trình quốc phòng	25,00		25,00				22,08								1,95	0,97																				Xã Thanh Sơn	R5		
2	Dự án giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu 30.000 m2 của trung đoàn KTT 151 tại xã Thanh Sơn và xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng	3,00		3,00	2,90											0,08	0,02																				Các xã: Thi Sơn, Thanh Sơn	DC 09 thửa 62, 63, 64, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274, 275, 276, 277, 278, 279, 280, 281, 282, 283, 284, 285, 286, 287, 288, 289, 290, 291, 292, 293, 294, 295, 296, 297, 298, 154, 153, 155, 156…		Đã thu hồi, GPMB
-	Xã Thi Sơn	0,30		0,30	0,20											0,08	0,02																								
-	Xã Thanh Sơn	2,70		2,70	2,70																																				
3	Công trình quốc phòng	3,58		3,58				3,58																													Xã Tân Sơn	DC 01 thửa 5, 6, 8, 10 Tờ BĐ Lâm Nghiệp		
4	Công trình quốc phòng	3,00		3,00				1,66																												1,34	Xã Thanh Sơn	DC 13 thửa 11, 12, 19, 23		
5	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Lê Hồ	0,17		0,17	0,17																																Xã Lê Hồ	DC 6 thửa 33	B3	
6	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Tân Sơn	0,20		0,20	0,20																																Xã Tân Sơn	DC 8 thửa 14	B3	
7	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Thanh Sơn	0,20		0,20		0,20																															Xã Thanh Sơn	DC 5 thửa 14		Đã TH xong chờ giao đất
8	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Thi Sơn	0,20		0,20	0,20																																Xã Thi Sơn	PL 7 thửa 325		
9	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an TT. Ba Sao	0,21		0,21		0,14	0,03									0,02														0,02							TT. Ba Sao	PL 7 thửa 2		
10	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở công an xã Đồng Hoá	0,19		0,19					0,19																												Xã Đồng Hoá	PL 7 thửa 221		
1.2	***Công trình, dự án để phát triển kinh tế- xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng***																																								
1.2.1	Công trình, dự án do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, quyết định chủ trương đầu tư mà phải thu hồi đất																																								
11	Khu du lịch Tam Chúc	527,77	322,67	205,10		63,12	27,43	18,07											71,16																	25,32	Các xã, thị trấn: Khả Phong, Ba Sao	Xã Khả Phong: DC 2, 3, 6, 7, 9, 10, 11…; TT. Ba Sao: PL 22, DC 2, 4 tờ BĐ Lâm Nghiệp		
-	Xã Khả Phong	227,77	216,67	11,10		11,10																																			Đang thu hồi
	TT. Ba Sao	300,00	106,00	194,00		52,02	27,43	18,07											71,16																	25,32				Đang thu hồi
12	Xây dựng sân Golf Kim Bảng 36 hố và khu phụ trợ tại xã Tượng Lĩnh	180,00	105,00	75,00																	75,00																Xã Tượng Lĩnh	ĐC 10, 11, ĐC 1 tờ BĐ Lâm Nghiệp		
13	Xây dựng sân Golf Kim Bảng 36 lỗ tại thị trấn Ba Sao (giai đoạn 2)	161,47	104,47	57,00		0,70	0,20														15,67						37,10								1,43	1,90	TT. Ba Sao	Tờ bản đồ ĐC số: PL 29, PL 30(TT Ba Sao)		
14	Khu công nghiệp Kim Bảng I	230,00		230,00	196,74		0,15		0,94							16,46	15,02								0,39									0,30			Các xã: Lê Hồ, Đồng Hoá, Đại Cương	Lê Hồ DC 5, 6, 7, 9, 10; Đồng Hoá DC 1, 2, 3; Đại Cương DC 8, 10		
-	Xã Lê Hồ	165,78		165,78	146,16											10,00	9,22								0,20									0,20						
-	Xã Đồng Hoá	35,00		35,00	26,10		0,10		0,60							3,96	4,00								0,14									0,10						
-	Xã Đại Cương	29,22		29,22	24,48		0,05		0,34							2,50	1,80								0,05															
II	**Công trình, dự án còn lại**																																								

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD					
2.1	***Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất***																																								
*	**Đất cụm công nghiệp**																																								
15	Cụm công nghiệp Lê Hồ	74,83	21,59	53,24	45,50				0,29							3,67	3,31								0,47												Các xã: Đại Cương, Lê Hồ	Đại Cương DC1; Lê Hồ DC3,DC7	1A	Đã thu hồi 40,40 ha
-	Xã Đại Cương	4,20		4,20	3,18				0,09							0,15	0,51								0,27																
-	Xã Lê Hồ	70,63	21,59	49,04	42,32				0,20							3,52	2,80								0,20																
16	Cụm công nghiệp Đồng Hóa	75,00		75,00	64,21	0,02			0,16							5,16	5,01								0,05				0,05					0,34			Các xã: Đại Cương, Đồng Hoá	DC03, DC02, DCPL2, DCPL3; DCPL1; DC08	1A	
-	Xã Đại Cương	12,15		12,15	12,11											0,03	0,01																								
-	Xã Đồng Hoá	62,85		62,85	52,10	0,02			0,16							5,13	5,00								0,05				0,05					0,34							
17	Cụm Công nghiệp Thi Sơn I	75,00		75,00	65,98	0,28	0,07		0,01							5,48	2,42					0,04												0,72			Các xã: Liên Sơn, Thi Sơn, Thanh Sơn	Liên Sơn: DC5 (70÷83, 94÷140); DC6 (1÷45; 54÷68; 117÷118; 149÷154; 191÷200; 219÷256; 333); Thi Sơn: DC8 (747÷754; 792÷796; 724; 866÷870; 912÷915; 935÷940; 953÷955; 6÷1289; 1002÷1008; 1379; 1206÷1316; 1379; 1045÷1056; 1070,1071,1080,1116,1105,1110,1104,1123,1125,1135,1139,1420,1421,970,1213,1212,1215,971,1217,972,1218,1219,948,1220,1217,972,1218,12191221,938,1272,1099,1069, 1133,917,919,941,942,1102,1108,1286,1342,1471,165-171,677,678,679,637,638,658,681,513,517,345,354,269,272,256,263,131,165-170; DC6 (1÷36); Thanh Sơn DC toàn xã (4,7,8)	1A	
-	Xã Liên Sơn	31,54		31,54	27,71	0,28	0,07		0,01							2,63	0,83					0,01																			
-	Xã Thi Sơn	41,76		41,76	37,10											2,57	1,34					0,03												0,72							
-	Xã Thanh Sơn	1,70		1,70	1,17											0,28	0,25																								
*	**Đất giao thông**																																								
18	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường vành đai 4 *(đường trục kinh tế phía Nam kết nối QL38 của TP Hà Nội)* với đường vành đai 5 *(theo quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội)* trên địa bàn tỉnh Hà Nam theo hình thức đối tác công tư (PPP), hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT)	15,93	7,52	8,41	7,13												1,28																				Các xã: Lê Hồ, Đồng Hóa, Thụy Lôi, Tân Sơn	Xã Lê Hồ: ĐC 1, 5, 9, 12; Xã Đồng Hóa: ĐC 8, 9; xã Thụy Lôi: ĐC 4; xã Tân Sơn: ĐC 7	1A	Đã giao 7,52 ha
-	Xã Nguyễn Uý	1,73	0,52	1,21	0,93												0,28																								
-	Xã Lê Hồ	6,60	5,00	1,60	1,10												0,50																								
-	Xã Đồng Hoá	3,10	1,00	2,10	1,90												0,20																								
-	Xã Tân Sơn	2,90	1,00	1,90	1,75												0,15																								
-	Xã Thụy Lôi	1,60		1,60	1,45												0,15																								
19	Dự án đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường nối Vành đai 4-Vành đai 5 qua quốc lộ 38 đến đường quốc lộ 21 huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	85,77		85,77	59,44	0,61	0,56	0,71	0,78	2,39			0,77			11,01	3,08		0,03			0,15			1,30				0,28			0,02		2,15	0,02	2,47	Các xã: Nguyễn Uý, Đại Cương, Lê Hồ, Tượng Lĩnh, Tân Sơn	DC4,DC8,DC7,DC1vn2000,DC12	1A	
-	Xã Nguyễn Uý	10,49		10,49	6,84	0,38	0,03		0,25							2,43	0,33												0,02					0,19	0,02						
-	Xã Đại Cương	4,06		4,06	3,52	0,02				0,15						0,30	0,07																								
-	Xã Lê Hồ	23,60		23,60	19,12					0,36						2,86	0,58					0,07			0,61																
-	Xã Tượng Lĩnh	9,25		9,25	4,84					1,40						2,31	0,65		0,03										0,02												
-	Xã Tân Sơn	38,37		38,37	25,12	0,21	0,53	0,71	0,53	0,48			0,77			3,11	1,45					0,08			0,69				0,24			0,02		1,96		2,47					
20	Dự án ĐTXD tuyến đường bộ song hành QL21, địa phận huyện Kim Bảng (đoạn từ đường ĐH05 huyện Kim Bảng đến nút giao đường T3 với QL21).	18,20		18,20	0,53	1,88	2,29	0,21	6,19				0,01	0,11	0,74	2,22	0,32		0,07						0,21		0,31		0,79	1,52			0,29		0,07	0,44	Các xã, thị trấn: Khả Phong, Ba Sao	Ba Sao: DCPL1; Khả Phong: DCPL12,13,14	1A	
-	Xã Khả Phong	5,50		5,50	0,53	0,71	0,97	0,21	1,02						0,74	0,35	0,04												0,79						0,07	0,07		Ba Sao:DCPL1		
	TT. Ba Sao	12,70		12,70		1,17	1,32		5,17				0,01	0,11		1,87	0,28		0,07						0,21		0,31			1,52			0,29			0,37		Khả Phong:DCPL12,13,14		
21	Xây dựng cầu dân sinh số 2 bắc qua ao sau Đình thuộc xã Nhật Tân	0,10		0,10					0,10																												Xã Nhật Tân	Pl 12 , 15	1A	
22	Hạ ngầm ống chờ kỹ thuật và chỉnh trang cây xanh hai bên đường ĐT494 đoạn từ cầu Đồng Sơn đến ngã tư Thi Sơn, huyện Kim Bảng	0,06		0,06	0,06																																Xã Thi Sơn	ĐC 8 thửa 15, 16	1A	

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
23	Xây dựng, chỉnh trang hạ tầng 04 ao sau Đình làng thuộc xã Nhật Tân	0,03		0,03					0,03																												Xã Nhật Tân	Pl 15	1A	
24	Tuyến đường vào khu vực các công trình quân sự của tỉnh Hà Nam	18,60		18,60	12,46	0,07			0,20	0,10							0,07												0,20							5,50	Xã Thanh Sơn	05R	1A	
25	Xây dựng kè, đường xung quanh hồ Nam Cao thị trấn Quế, huyện Kim Bảng (giai đoạn 3)	0,60		0,60			0,01		0,59																												TT. Quế	DC 14; 15 Thửa 55	1A	
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành QL21 (đoạn từ nút giao với đường T3 đến dốc núi Sẻ), huyện Kim Bảng	4,56		4,56	0,40	0,70	0,14		0,28						1,10	0,22	0,10												0,46				0,36			0,80	Các xã: Khả Phong, Liên Sơn	Liên Sơn DC 01, PL 01, Khả Phong PL 10; 12;	1A	
-	Xã Khả Phong	3,16		3,16		0,70	0,14								1,10	0,13													0,23				0,36			0,50				
-	Xã Liên Sơn	1,40		1,40	0,40				0,28							0,09	0,10												0,23							0,30				
27	Dự án chỉnh trang hạ tầng, tạo cảnh quan đô thị, cảnh quan Khu du lịch quốc gia Tam chúc *(các khu vực xen kẹp giữa đường song hành với Quốc lộ QL21 và với mương thủy lợi (sông Ba Sao)* tiếp giáp với Khu du lịch quốc gia Tam Chúc	18,23		18,23	0,76	1,72	2,10		3,86							4,90	0,20		0,09										1,13	0,90					0,10	2,47	Các xã, thị trấn: Khả Phong, Ba Sao	Liên Sơn DC 01, PL 01; Khả Phong PL 10; 12;14, 13…; Ba Sao PL 1, 2, 3, 4	1A	
-	Xã Khả Phong	13,06		13,06	0,76	1,02	1,80		3,06							2,63	0,20												1,13						0,10	2,36				
	TT. Ba Sao	4,60		4,60		0,70	0,30		0,70							1,91			0,09											0,90											
-	Xã Liên Sơn	0,57		0,57					0,10							0,36																				0,11				
28	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông và kiên cố hóa kênh (đoạn từ cống Vực đến cống ông Đức Đào) thôn Lạc Nhuế	0,32		0,32			0,02		0,03							0,12	0,15																					Xã Đồng Hoá	PL 4, 9	1A	
29	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Lạc Nhuế	0,62		0,62		0,02	0,05		0,05							0,50																						Xã Đồng Hoá	PL 2, 3, 4, 9	1A	
30	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường T3 đến đường trục thôn Trung Hòa, xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng	2,38		2,38	1,19				0,92							0,15	0,12																					Xã Thụy Lôi	DC 5, 8; PL 2, 3	1A	
31	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường ĐH.07 đến trường mầm non xã Thụy Lôi kết hợp chỉnh trang khuôn viên cảnh quan thôn Trung Hòa, xã Thụy Lôi, huyện Kim Bảng	1,09		1,09	0,02				0,52							0,50	0,05																					Xã Thụy Lôi	DC 5, 8; PL 2, 3	1A	
32	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ khu tái định cư Thụy Lôi 3 đến đường ĐH.07 xã Thụy Lôi	1,22		1,22	0,88				0,12							0,06	0,12																	0,04				Xã Thụy Lôi	DC 8, 9;	1A	
33	Dự án cải tạo, nâng cấp đường trục chính thôn Trung Hòa (đoạn từ T3 đến ĐH07) xã Thụy Lôi	0,86		0,86	0,09				0,21							0,30	0,26																					Xã Thụy Lôi	PL 04, DC 7, 8	1A	
34	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL21 đến khu dân cư thôn Đồng Sơn, xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng	0,82		0,82	0,78											0,04																						Xã Liên Sơn	DC 03 Tờ BĐ Nông nghiệp	2A	
35	Xây dựng tuyến đường song hành QL21 (đoạn từ cầu Đồng Sơn đến đường vào khu dân cư mới thôn Đồng Sơn, xã Liên Sơn), huyện Kim Bảng	1,00		1,00	0,25		0,04									0,54													0,17									Xã Liên Sơn	DC 03 Tờ BĐ Nông nghiệp	2A	
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường D3 (đoạn từ QL.38 đến Khu công nghiệp Đồng Văn IV)	3,00		3,00	2,67											0,12	0,21																					Xã Đại Cương	DC 02, 7 Tờ BĐ Nông nghiệp	2A	
37	Cải tạo, kiên cố hóa kênh và nâng cấp đường bờ kênh PK2 thị trấn Quế (đoạn từ trục đường QL21B cũ đến tuyến đường phía Đông huyện Kim Bảng)	1,80		1,80	0,10				0,10							0,47	0,58																	0,55				TT. Quế	DC 01, 02 Tờ BĐ Nông nghiệp	2A	
38	Kè chống xói lở kết hợp kết hợp giao thông nông thôn ngòi Đồng Sơn, xã Liên Sơn (đoạn từ cầu Đồng Sơn đến hết khu dân cư thôn Đồng Sơn), huyện Kim Bảng	3,00		3,00			0,41						0,03			1,32		0,01											0,06				1,10			0,07	Các xã: Thi Sơn, Liên Sơn	DC 03 Tờ BĐ Nông nghiệp	2A	

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
-	Xã Liên Sơn	1,59		1,59			0,38									0,67		0,01											0,04				0,42			0,07				
-	Xã Thi Sơn	1,42		1,42			0,03						0,03			0,66													0,02				0,68							
*	**Đất thủy lợi**																																								
39	Nạo vét, kiên cố hóa kênh A3-4 kết hợp làm đường giao thông thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	0,44		0,44	0,35											0,09																					Xã Văn Xá	DCPL3,DCPL4	1A	
*	**Đất xây dựng cơ sở y tế**																																								
40	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam.	6,00		6,00	4,23											1,14	0,57																	0,06			Xã Tân Sơn	ĐC6: 12,13,14,34,35,36,693,694,695,696…704,18,17,705…722, 682,681,761,680,679,725,724,723,675…678,654,653,652,651,611,612,613,604,614,650,626…650,683,684,618, 620…624,687…692,585…592,551,558,552,557,556,555,559,560...595	1A	
*	**Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo**																																								
*	**Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao**																																								
*	**Đất công trình năng lượng**																																								
41	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Kim Bảng- tỉnh Hà Nam- năm 2021	0,09		0,09	0,09																																Các xã, thị trấn: Thi Sơn, Ngọc Sơn, Lê Hồ, Nguyễn Úy, Nhật Tân, Tân Sơn, Đại Cương, Quế		1A	
42	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và nâng cao chất lượng điện áp tại các khu vực có điện áp thấp thuộc huyện Kim Bảng và huyện Thanh Liêm năm 2021	0,05		0,05	0,05																																Các xã, thị trấn: Văn Xá, Lê Hồ, Thi Sơn, Thanh Sơn, Quế		1A	
43	Công trình nhà trực vận hành đội quản lý hạ thế Nhật Tân	0,03		0,03	0,03																																Xã Đồng Hoá		1A	
44	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Kim Bảng- tỉnh Hà Nam- năm 2022	0,04		0,04	0,04																																Các xã, thị trấn: Liên Sơn, Tân Sơn, Thi Sơn, Tượng Lĩnh, Nhật Tựu, Đồng Hóa, Ngọc Sơn, Ba Sao		1A	
45	Đa chia đa nối, nâng cao độ tin cậy cung cấp điện cho lưới điện trung áp tỉnh Hà Nam năm 2023	0,01		0,01	0,01																																Xã Văn Xá		2A	
46	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Kim Bảng - tỉnh Hà Nam - năm 2024	0,02		0,02	0,02																																Kim Bảng		2A	
*	**Đất nghĩa trang nghĩa địa**																																								
47	Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và các công trình phụ trợ nghĩa trang Gốc Hồng xã Khả Phong, huyện Kim Bảng	2,10		2,10	1,95											0,13	0,02																				Xã Khả Phong	DC 11 thửa 991, 980,1033, 977, 959, 958, 968, 942, 956, 949, 948, 953, 951, 945, 970, 937…	1A	
*	**Đất ở nông thôn**																																								
48	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (khu vực Đồng Xẩm, thôn Đại Phú)	2,13		2,13	2,00											0,08	0,05																				Xã Lê Hồ	PL12/315	1A	
	Đất ở	0,53		0,53	0,50											0,02	0,01																								
	Đất giao thông	0,96		0,96	0,90											0,04	0,02																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	0,64		0,64	0,60											0,02	0,02																								
49	Dự án khu dân cư nông thôn mới, chỉnh trang đô thị kết hợp thương mại dịch vụ tại xã Khả Phong	7,46		7,46	3,06	3,40										0,50	0,50																				Xã Khả Phong	PL12/224	1B	
	Đất ở	1,87		1,87	0,77	0,85										0,13	0,13																								
	Đất hạ tầng	3,36		3,36	1,38	1,53										0,23	0,23																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	2,24		2,24	0,92	1,02										0,15	0,15																								
50	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (thôn Đồng Tân)	4,07		4,07	3,37											0,50	0,20																				Xã Tân Sơn	PL4/160	1A	
	Đất ở	1,02		1,02	1,02																																				
	Đất giao thông	1,83		1,83	1,13											0,50	0,20																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	1,22		1,22	1,22																																				

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
51	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (thôn Đồng Sơn)	4,90		4,90	2,50	0,06	0,32	0,86	0,11							0,32	0,30												0,43								Xã Liên Sơn	PL20/138	1A	
	Đất ở	1,23		1,23	0,97	0,03																							0,23												
	Đất giao thông	3,20		3,20	1,06	0,03	0,32	0,86	0,11							0,32	0,30												0,20												
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	0,47		0,47	0,47																																				
52	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (khu vực Đồng Cửa Ao, thôn Quang Thừa)	2,26		2,26	2,00											0,16	0,10																				Xã Tượng Lĩnh	PL20/308	1A	
	Đất ở	0,57		0,57	0,57																																				
	Đất giao thông	1,02		1,02	0,76											0,16	0,10																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	0,67		0,67	0,67																																				
53	Khu đô thị mới Đồi Hoa Sen tại xã Liên Sơn, huyện Kim Bảng (KB-ĐT34.22)	22,20		22,20			1,01	17,80		0,50						2,00	0,10												0,02							0,77	Xã Liên Sơn	DC 02 thửa 27, 28, 38, 11, 9, 7, 326, 3, 745, 400, 6, 37, 89, 87, 90, 92, 84, 85, 23…	1B	
	Đất ở	9,59		9,59			0,51	8,16								0,80	0,10												0,02												
	Đất hạ tầng	9,90		9,90			0,50	6,93		0,50						1,20																				0,77					
	Đất DVTM	1,11		1,11				1,11																																	
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	1,60		1,60				1,60																																	
54	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kết hợp dịch vụ thương mại phía Tây Cụm công nghiệp Lê Hồ, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng (KB-ĐT32.22)	13,50		13,50	7,09	0,05			1,30	3,40						0,58	0,30			0,32					0,35				0,11									Xã Lê Hồ	DC 06 thửa 520, 519, 518, 517, 516, 515, 514, 513, 470, 471, 427, 473, 474, 475, 476, 456, 455, 454, 437, 426, 438, 302…	1A	
	Đất ở	5,38		3,38	0,68	0,05			0,50	0,95						0,58	0,30			0,32																					
	Đất giao thông	5,80		5,80	3,02				0,80	1,52															0,35				0,11												
	Đất thương mại, dịch vụ	0,28		0,28	0,28																																				
	Đất cây xanh, mặt nước chuyên dùng	2,04		4,04	3,11					0,93																															
55	Khu dân cư nông thôn mới kết hợp dịch vụ thương mại phía Bắc thôn An Đông, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng (KB-ĐT31.22)	12,40		12,40	2,88				0,80	6,86						1,00	0,86																				Xã Lê Hồ	ĐC 2, 3, 6, 7	1A	
	Đất ở	3,24		3,24	0,17				0,40	1,82						0,25	0,60																								
	Đất giao thông	5,12		5,12	1,47				0,40	2,50						0,75																									
	Đất thương mại, dịch vụ	0,64		0,64	0,28					0,36																															
	Đất cây xanh, mặt nước chuyên dùng	3,40		3,40	0,96					2,18							0,26																								
56	Dự án khu nhà ở đô thị kết hợp chỉnh trang khu dân cư tại xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.17-1.22)	9,80		9,80	8,80											0,50	0,50																				Xã Nhật Tựu	ĐC 7 thửa 51, 52, 65, 66, 68, 70, 71, 100, 101, 102…	1B	
	Đất ở	3,45		3,45	2,95											0,25	0,25																								
	Đất giao thông	4,41		4,41	3,91											0,25	0,25																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	1,94		1,94	1,94																																				
57	Dự án khu nhà ở đô thị kết hợp chỉnh trang khu dân cư tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.17-2.22)	9,50		9,50	8,51											0,53	0,46																				Các xã: Nhật Tân, Hoàng Tây	Xã Nhật Tân: ĐC 4 thửa 19, 21, 22, 25, 36, 26.; xã Hoàng Tây: ĐC 2 thửa 3, 4, 5, 11, 15, 17, 21	1B	
-	Xã Nhật Tân	4,72		4,72	4,21											0,30	0,21																								
-	Xã Hoàng Tây	4,78		4,78	4,30											0,23	0,25																								
	Đất ở	4,38		4,38	3,39											0,53	0,46																								
	Đất hạ tầng	4,27		4,27	4,27																																				
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	0,85		0,85	0,85																																				
58	Dự án Khu nhà ở đô thị sinh thái Tân Sơn tại xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng (KB-ĐT07.22)	150,00		150,00	31,89			20,28	2,23	3,67				64,95	7,60	6,18	2,00																			11,20	Xã Tân Sơn	ĐC 11; 15, 16, 18; ĐC 1 tờ BĐ Lâm nghiệp	1B	
	Đất ở	79,20		79,20	21,05			8,11	1,13	1,06				34,21	3,04	2,60	0,80																			7,20					
	Đất giao thông	57,50		57,50	6,92			11,15	1,10	2,61				26,24	1,90	3,58	1,20																			2,80					
	Đất DVTM	7,50		7,50	2,85			1,02						3,25	0,38																										
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	5,80		5,80	1,07									1,25	2,28																					1,20					
59	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới Nông Vụ tại xã Đại Cương và xã Nhật Tân thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nhà ở đô thị tại các xã Đại Cương, Nhật Tân, Đồng Hóa, Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.43.22)	14,50		14,50	10,77				0,57							1,09	2,00																	0,07			Các xã: Đại Cương, Nhật Tân	Xã Đại Cương: ĐC 8 thửa 15, 18, 103, 105, 106, 117, 114…; xã Nhật Tân: ĐC 1 thửa 1	1B	
-	Xã Đại Cương	14,42		14,42	10,69				0,57							1,09	2,00																	0,07							
-	Xã Nhật Tân	0,08		0,08	0,08																																				
	Đất ở	7,69		7,69	5,85				0,14							0,60	1,10																								
	Đất hạ tầng	5,48		5,48	3,66				0,43							0,49	0,90																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	1,33		1,33	1,26																													0,07							
60	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Đồng Sơn thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thể dục thể thao (sân golf) tại các xã Liên Sơn, Thi Sơn, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.38.22)	45,00		45,00	0,55	2,97	0,44	5,00	0,30	0,70			2,85		1,89	1,43	2,20																	19,00		7,67	Các xã: Liên Sơn, Thi Sơn	Xã Thi Sơn: T10 tờ BĐ Lâm nghiệp; xã Liên Sơn: ĐC 3 thửa 97, 86, 92	1B	
-	Xã Liên Sơn	30,95		30,95	0,55			5,00								1,00	1,20																	19,00		4,20					
-	Xã Thi Sơn	14,05		14,05		2,97	0,44		0,30	0,70			2,85		1,89	0,43	1,00																			3,47					

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
	Đất ở	14,25		13,27	0,55	0,73		1,25	0,30	0,30			1,57		0,47	0,50	0,95																	1,69		4,96				
	Đất hạ tầng	20,24		20,24		0,04	0,44	2,25		0,40			1,28		1,42	0,93	1,25																	9,78		2,45				
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	10,51		10,51		1,22		1,50																										7,53		0,26				
61	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị phía Bắc Đồi Hoa Sen thuộc Quy hoạch phân khu sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí thể dục thể thao (sân golf) tại các xã Liên Sơn, Thi Sơn, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.36.22)	66,00		66,00	20,10	1,60	3,70		4,50	14,50				1,20		7,86	3,80		0,04										3,30					4,30		1,10	Xã Liên Sơn	ĐC 1, 2, 3, 4 thửa 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23…	1B	
	Đất ở	26,50		26,50	10,64	0,70	0,93		1,13	6,56				0,70		1,97	0,95		0,04										1,81					1,07							
	Đất hạ tầng	26,40		26,40	7,40	0,90	1,48		1,80	5,80				0,50		3,14	1,52												1,32					1,94		0,60					
	Đất DVTM	3,30		3,30	1,43		0,19		0,23	0,70						0,39	0,19												0,17												
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	9,80		9,80	0,63		1,10		1,34	1,44						2,36	1,14																	1,29		0,50					
62	Đầu tư xây dựng Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Liên Sơn thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí thể dục thể thao (sân golf) tại các xã Liên Sơn, Thi Sơn, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.37.22)	50,00		50,00	29,33			6,50	2,47				0,27		0,46	3,50	3,80																0,30	2,00		1,37	Các xã: Liên Sơn, Thi Sơn	Xã Liên Sơn: ĐC 3 thửa 25, 26, 27, 30, 33, 37, 40, 42… Xã Thi Sơn: Xã Thi Sơn: T10 tờ BĐ Lâm nghiệp	1B	
-	Xã Liên Sơn	47,60		47,60	29,33			6,50	2,47							3,50	3,80																	2,00							
-	Xã Thi Sơn	2,40		2,40									0,27		0,46																		0,30			1,37					
	Đất ở	12,50		12,50	7,33			1,63	0,62				0,17		0,12	0,88	0,95																	0,50		0,31					
	Đất hạ tầng	22,50		22,50	12,15			2,93	1,11				0,10		0,34	2,63	1,71																	0,90		0,64					
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	15,00		15,00	9,85			1,95	0,74								1,14																0,30	0,60		0,42					
63	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại xã Nhật Tân, Đồng Hóa thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nhà ở đô thị tại các xã Đại Cương, Nhật Tân, Đồng Hóa, Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.40.22)	9,55		9,55	7,31											1,08	0,30																	0,86			Các xã: Nhật Tân, Đại Cương, Đồng Hóa	Xã Nhật Tân: ĐC 1 thửa 104, 113, 115, 116, 133, 134, 135, 136…; xã Đồng Hóa: ĐC 3 thửa 2, 3, 4, 17, 19; xã Đại Cương: ĐC 10	1A	
-	Xã Nhật Tân	9,45		9,45	7,23											1,06	0,30																	0,86							
-	Xã Đại Cương	0,01		0,01	0,01																																				
-	Xã Đồng Hoá	0,09		0,09	0,07											0,02																									
	Đất ở	3,46		3,46	2,87											0,29	0,30																								
	Đất hạ tầng	4,25		4,25	3,46											0,79																									
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	1,84		1,84	0,98																													0,86							
64	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện trạng tại xã Đại Cương và xã Nhật Tân thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nhà ở đô thị tại các xã Đại Cương, Nhật Tân, Đồng Hóa, Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.41.22)	12,50		12,50	7,64				1,70	0,40						1,26	1,50																					Các xã: Nhật Tân, Đại Cương	Xã Đại Cương: ĐC 8 thửa 133, 138, 139; xã Nhật Tân: ĐC 1 thửa 58, 62, 87, 74, 77, 97, 108…	1B	
-	Xã Nhật Tân	8,20		8,20	6,20											1,00	1,00																								
-	Xã Đại Cương	4,30		4,30	1,44				1,70	0,40						0,26	0,50																								
	Đất ở	3,13		3,13	1,91				0,43	0,10						0,32	0,38																								
	Đất hạ tầng	5,63		5,63	3,44				0,77	0,18						0,57	0,68																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	3,75		3,75	2,29				0,51	0,12						0,38	0,45																								
65	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện trạng thôn Phương Xá, xã Đồng Hóa thuộc Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu nhà ở đô thị tại các xã Đại Cương, Nhật Tân, Đồng Hóa, Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.42.22)	12,50		12,50	8,73				0,40	0,18						1,03	2,00																	0,16			Xã Đồng Hoá	ĐC 4 thửa 72, 73, 74, 75, 76, 77, 80, 89, 90, 91, 92…	1B	
	Đất ở	3,13		3,13	2,18				0,10	0,05						0,26	0,50																	0,04							
	Đất hạ tầng	5,63		5,63	3,93				0,18	0,08						0,46	0,90																	0,07							
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	3,75		3,75	2,62				0,12	0,05						0,31	0,60																	0,05							
66	Dự án ĐTXD Khu nhà ở công nhân và nhà ở xã hội tại địa bàn các xã Đồng Hoá, Nhật Tân, Đại Cương, huyện Kim Bảng	12,50		12,50	9,50				0,28							1,27	1,28						0,08		0,05									0,04			Các xã: Đồng Hóa, Nhật Tân, Đại Cương	Xã Đồng Hóa: ĐC 3 thửa 13, 14, 15; xã Đại Cương: ĐC 10 thửa 10, 11, 14, 15; xã Nhật Tân: ĐC 1 thửa 108, 112, 115, 123, 103…	1B	
-	Xã Đồng Hoá	7,22		7,22	4,80				0,28							0,97	1,00						0,08		0,05									0,04							
-	Xã Nhật Tân	2,80		2,80	2,60											0,10	0,10																								
-	Xã Đại Cương	2,48		2,48	2,10											0,20	0,18																								
	Đất ở	3,13		3,13	2,38				0,07							0,32	0,32						0,02		0,01									0,01							
	Đất hạ tầng	5,63		5,63	4,28				0,13							0,57	0,58						0,04		0,02									0,02							
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	3,75		3,75	2,85				0,08							0,38	0,38						0,02		0,02									0,01							
67	Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị và dịch vụ thương mại kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện trạng tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (KB-ĐT.29.22)	7,70		7,70	3,60	0,13			0,69							0,53	1,50								0,06				0,54					0,65			Xã Đại Cương	ĐC 3 thửa 41, 43, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 111, 112…	1B	
	Đất ở	3,93		3,93	2,02	0,13										0,53	0,60																	0,65							
	Đất hạ tầng	3,08		3,08	0,89				0,69								0,90								0,06				0,54												
	Đất thương mại, dịch vụ	0,39		0,39	0,39																																				
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	0,30		0,30	0,30																																				
68	Khu dân cư thôn Lạc Nhuế, xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	14,24		14,24	7,00				4,90	2,00						0,20	0,14																					Xã Đồng Hoá	DC 05 thửa 563, 551, 542, 534, 533, 527, 524, 510, 502, 499, 469, 470, 471, 461, 460, 459, 429, 431, 432, 417, 415, 414, 413, 412, 400...; DC 06 thửa 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160, 162, 188, 253, 189, 190, 303, 195, 240, 199, 238, 239, 242, 244, 247, 248, 236, 253, 235...	1B	
	Đất ở	3,56		3,56	1,75				1,23	0,50						0,05	0,04																								

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD					
	Đất hạ tầng	5,70		5,70	2,80				1,96	0,80						0,08	0,06																								
	Đất DVTM	0,71		0,71	0,35				0,25	0,10						0,01	0,01																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	4,27		4,27	2,10				1,47	0,60						0,06	0,04																								
69	Dự án khu dân cư mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện trạng thôn Dương Cương, tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (KB-DT14.22)	5,87		5,87	5,55											0,20	0,12																				Xã Đại Cương	DC5: 102,103,117,115,114,118,119,120,133,132,134,130,131,124,123,122,113,104,100,101,88,99,98,105,112,111,125,128, 110,108,109,108,95,96,90,85,92,94,93;	1A	
	Đất ở	1,47		1,47	1,39											0,05	0,03																								
	Đất hạ tầng	2,64		2,64	2,50											0,09	0,05																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	1,76		1,76	1,67											0,06	0,04																								
70	Đối ứng, hoàn trả vốn Dự án đầu tư xây dựng 04 tuyến đường trục xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	6,30		6,30	6,10											0,15	0,05																				Xã Đồng Hoá	DC6:617,613,592,596,608,579,591,573,559,563,560,537,536,511,510,470	1B	
	Đất ở	1,58		1,58	1,53											0,04	0,01																								
	Đất hạ tầng	2,84		2,84	2,75											0,07	0,02																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	1,89		1,89	1,83											0,05	0,02																								
71	Dự án khu nhà ở Trung Đông tại xã Nhật Tân giai đoạn 2	9,30	8,50	0,80	0,75											0,04	0,01																				Xã Nhật Tân	DC5: 992,991,990970,971,972,973,966,965,964,947,948,949	1A	Đã thu hồi 9,21 ha
	Đất ở	2,33	1,53	0,80	0,75											0,04	0,01																								
	Đất giao thông	4,19	4,19																																						
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	2,79	2,79																																						
72	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị xã Đại Cương thuộc quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tổng thể khu vực phía Tây khu nhà ở đô thị tại xã Đại Cương - giai đoạn 1	7,30	6,60	0,70	0,70																																Xã Đại Cương	ĐC 4 thửa 61, 62, 64, 66, 67, 94, 95	1A	Đã thu hồi 7,01 ha
	Đất ở	1,83	1,12	0,70	0,70																																				
	Đất hạ tầng	3,29	3,29																																						
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	2,19	2,19																																						
73	Dự án chỉnh trang đô thị và đầu tư xây dựng Khu nhà ở dân cư nông thôn mới kết hợp dịch vụ thương mại tại xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (KB-ĐT03.21)	20,00		20,00	16,50				2,50							0,70	0,30																				Xã Đại Cương	DC1: 345-353; 372-378; 400-408; DC4:17,18,2,4,5,19,20,29,38,50,51,52,38,39,4DCPL9:2,3,4,26,208,189,177,164,153,32,34	1B	
	Đất ở	5,00		5,00	4,13				0,63							0,18	0,08																								
	Đất hạ tầng	8,00		8,00	6,60				1,00							0,28	0,12																								
	Đất thương mại, dịch vụ	1,00		1,00	0,83				0,13							0,04	0,02																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	6,00		6,00	4,95				0,75							0,21	0,09																								
74	Khu đô thị tại địa bàn xã Tân Sơn, Lê Hồ, Đồng Hoá	34,00		34,00	33,00											0,75	0,25																				Các xã: Tân Sơn, Lê Hồ, Đồng Hóa	Tân Sơn DC5; Lê Hồ DC11	1B	
-	Xã Tân Sơn	19,30		19,30	18,50											0,60	0,20																					Tân Sơn DC5		
-	Xã Lê Hồ	14,36		14,36	14,31											0,04	0,01																					Lê Hồ DC11		
-	Xã Đồng Hoá	0,34		0,34	0,19											0,11	0,04																								
	Đất ở	8,76		14,76	14,56											0,15	0,05																								
	Đất hạ tầng	13,46		14,45	13,65											0,60	0,20																								
	Đất DVTM	1,68		2,69	2,69																																				
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	10,10		2,10	2,10																																				
75	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ và xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng (KB-DT.06.22.4)	52,10	1,66	50,44	40,50											5,31	3,93									0,70											Các xã: Lê Hồ, Nguyễn Uý	DC8,DC9,DC10	1A	
-	Xã Lê Hồ	9,48		9,48	7,89											0,90	0,69																					DC8,DC9,DC10		
-	Xã Nguyễn Uý	42,62	1,66	40,96	32,61											4,41	3,24									0,70												DC8,DC9,DC10		
	Đất ở	23,97		23,97	20,37											2,30	1,30																								
	Đất cơ sở văn hoá	1,66		1,66	1,66																																				
	Đất chợ	0,70		0,70																						0,70															
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,55		0,55	0,55																																				
	Đất giao thông và HTKT	16,35		16,35	11,26											2,46	2,63																								
	Đất hạ tầng kỹ thuật (đất thuỷ lợi)	0,26		0,61	0,26																																				
	Đất nghĩa trang nghĩa địa	0,70	0,70	0,70																																					
	Đất công trình năng lượng	1,22		1,22	1,22																																				
	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,96	0,96	0,96																																					
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	5,73		4,83	5,18											0,55																									

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD					
76	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ và xã Đại Cương, huyện Kim Bảng (KB-DT.06.22.3)	52,90		52,90	35,44	0,03	0,26		4,02				0,01			6,72	3,95					0,02	0,21	0,07	0,28				1,27					0,07	0,03	0,52	Các xã: Lê Hồ, Đại Cương	DC1:163,166,143,194,213,264,275,263,141,140,1688,188,1,90,215,216,262,413,263,139,169,185,186,218,277,256,257,258,259,217,187,139,137,171,219,220,221,22,2,223,278,279,285,227-236,286-289,310-313,239,241;DC2: 241-248,249,41-45-57,123-132,299,300-318,133,134,126,178,179,182,183,185	1A	
-	Xã Lê Hồ	15,00		15,00	11,50	0,02	0,07		0,22							1,70	0,92							0,07	0,08				0,39						0,03						
-	Xã Đại Cương	37,90		37,90	23,94	0,01	0,19		3,80				0,01			5,02	3,03					0,02	0,21		0,20				0,88					0,07		0,52		DC1:163,166,143,194,213,264,275,263,141,140,1688,188,1,90,215,216,262,413,263,139,169,185,186,218,277,256,257,258,259,217,187,139,137,171,219,220,221,22,2,223,278,279,285,227-236,286-289,310-313,239,241;DC2: 241-248,249,41-45-57,123-132,299,300-318,133,134,126,178,179,182,183,185		
	Đất ở	35,85		35,85	26,02	0,03	0,26		2,52				0,01			3,84	2,33												0,50						0,03	0,31					
	Đất cơ sở văn hoá	0,16		0,16	0,16																																				
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,46		0,46	0,46																																				
	Đất giao thông	14,73		14,73	7,17				1,50							2,88	1,62					0,02	0,21	0,07	0,28				0,77							0,21					
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	1,70		1,70	1,63																													0,07							
77	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Nguyễn Úy và xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng	56,85		56,85	38,94	0,05	0,20		1,83							7,15	5,94							0,52	0,28				1,80				0,05	0,09			Các xã: Lê Hồ, Nguyễn Úy	Lê Hồ:DC10(1124,1125,442,443,449,459,466,478-480,487,498-501,473,477,485,496,497,511,DCPL2: 13,37,4,5,6,7-10,138,114-116,441-443; Nguyễn Úy:DC21123,1149,1168,1169,1189,1204,1227,1293,1244,1256,1304,439-467-454,469,488-491,481,482,43,492,504,506,507,508,509,448,441,457,77,90,91,98,99,102,103,104,537-540,493,472,457,441,510,495,484,471,463,456,78,89,92,100,101,79,88,87,97,93,94,86,130,5003,6014,132,6016,148,150,147,133,150,166,159,165,164,167,51,134,135,142,161,6021,180,185,194,209,207,206,105,203,187,186,192,192,213,1019;	1B	
-	Xã Lê Hồ	13,84		13,84	4,29	0,05	0,20		1,83							2,90	1,83							0,52	0,28				1,80				0,05	0,09							
-	Xã Nguyễn Úy	43,01		43,01	34,65											4,25	4,11																								
	Đất ở	14,16		14,16	8,31	0,05	0,20		1,10							1,28	1,83												1,40												
	Đất hạ tầng	23,38		23,38	16,44				0,73							2,85	2,67								0,28				0,40												
	Đất DVTM	2,26		2,26	1,82											0,23	0,21																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	16,54		16,54	12,37											2,79	1,23																0,05	0,09							
	Đất công trình tôn giáo tín ngưỡng	0,52		0,52																				0,52																	
78	Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới thuộc địa bàn xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng	70,80		70,80	37,14		3,63		3,02	2,40						10,82	3,60								1,30				8,74			0,07		0,08			Xã Lê Hồ	DC1:93,248÷250,310,194,181,135,291,260,624,630,275,288,309,319,6038,371-373,262-367,6032,289,308,307,330,292,273,295,299,23,305,196÷198,245,246,179,180,264,267,289,299; DC5:17-19,67,68,74-76,126,129,125,134,20-22,63,66,77-79,123,122,121,120,119,23-29,59-62,80-83,114-116,140,16,27,28,58,56-57,84-86,112,111,6003,109,110,87,54,55,29,141,15,120,23-26,6,59-62,80-84,116,118,140,114,115,16,27,28,58,56,85,84,86,113,111,13-15,29,30,52-55,87-89,106-109,11,1232,33,51,56,90,91,105,104,153,102,103,188,165,142,93,94,98,5,38,39,10,41,45,42,8,9,37,36,34; DCPL2: 242,20,239,142,143,149,151,169,319,329,390,389,379,388,411,312-366	1B	
	Đất ở	28,18		28,18	10,50		2,00		2,15	1,32						2,81	1,00												8,40												
	Đất giao thông	31,29		31,29	20,15		1,45		0,87	1,08						6,20	1,20												0,34												
	Đất thương mại, dịch vụ	0,54		0,54	0,16		0,18										0,20																								
	Đất công trình tín ngưỡng	0,07		0,07																												0,07									
	Đất nghĩa trang nghĩa địa	3,50		3,50	2,20																				1,30																
	Đất chợ	1,60		1,60	1,60																																				
	Đất thuỷ lợi	0,80		0,80	0,80																																				
	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	1,20		1,20	1,20																																				
	Đất cây xanh, mặt nước chuyên dùng	3,62		3,62	0,53											1,81	1,20																	0,08							
79	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở đô thị tại xã Nhật Tựu	10,07	3,80	6,27	5,70											0,40	0,17																				Xã Nhật Tựu	DC6:2…8,25…38,78,79,116,126,175,181,221,,73,77,117,124,176,180,227,642,74,76,118,122,123,177,222,75,119,120,121,178,179,223,224,225,226,227,270,271,272,273,261…269,274,302,300,301,304,323,325,326,327,342,346,347,365,367,385,390,401,402,405,403,404,386,389,387,344,345,343,303,324	1A	Đã thu hồi 8,67 ha
	Đất ở	2,52	0,95	1,57	1,43											0,10	0,04																								
	Đất giao thông	4,03	1,52	2,51	2,28											0,16	0,07																								
	Đất thương mại, dịch vụ	0,50	0,19	0,31	0,29											0,02	0,01																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	3,02	1,14	1,88	1,71											0,12	0,05																								
80	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở sinh thái Nhật Tân Đông tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng (KB-DT13.22)	13,33		13,33	9,98				2,73							0,42	0,20																				Xã Nhật Tân	DC7:195,212,218,354,239,219,250,272,284,308,306,320,337,351,371,352,334-336,321,303-305,285,270271,,333,302,286,251,237,238,322,301,300,28,266,267,254,253234,235,220,254,197,188,176,175,173,164,146,145,110,111,112,113,147,130,162,527,161,177,161,527,162,147,130,99,131,225,224,223,222,221,202,203,204,205,206,207,208,209,200,199,185,186,187,179,178,161,230,148,127,128,129,115,114,98,183,183,181,180,158,159,160,151,50,149,123,124,125,118,117,116,97,90,73,67,45,14,15,155,156,157,154,153,152,120,121,122,119,92,93,94	1B	
	Đất ở	3,33		3,33	2,50				0,68							0,11	0,05																								

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
	Đất giao thông	5,33		5,33	3,99				1,09							0,17	0,08																								
	Đất DVTM	0,67		0,67	0,50				0,14							0,02	0,01																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	4,00		4,00	2,99				0,82							0,13	0,06																								
81	Dự án khu đất hoàn trả dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối vành đai 4 và đường vành đai 5 trên địa bàn tỉnh Hà Nam (vị trí 2) -tiểu khu 1	23,59		23,59	20,29											1,82	1,48																				Các xã: Đồng Hóa, Tân Sơn	Tân Sơn DC11; Thụy Lôi DC4,DC1; Đồng Hóa DC2,DC5,DC11	1B	
-	Xã Đồng Hoá	15,51		15,51	13,19											1,32	1,00																								
-	Xã Tân Sơn	8,08		8,08	7,10											0,50	0,48																								
	Đất ở	5,90		5,90	5,07											0,46	0,37																								
	Đất hạ tầng	10,62		10,62	9,13											0,82	0,67																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	7,08		7,08	6,09											0,55	0,44																								
82	Dự án đối ứng hoàn trả vốn đầu tư " Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối vành đai 4 và đường vành đai 5 trên địa bàn tỉnh Hà Nam"	20,00		20,00	17,19											1,10	1,48																	0,23			Các xã: Tân Sơn, Đồng Hóa, Thụy Lôi	Tân Sơn DC 7; Thuỵ Lôi DC 4; Đồng Hoá DC 8, 9	1B	
-	Xã Tân Sơn	0,80		0,80	0,47											0,05	0,05																	0,23							
-	Xã Đồng Hoá	17,32		17,32	14,90											1,02	1,40																								
-	Xã Thuỵ Lôi	1,88		1,88	1,82											0,03	0,03																								
	Đất ở	7,01		7,01	6,02											0,34	0,43																	0,23							
	Đất hạ tầng	7,79		7,79	6,71											0,46	0,63																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	5,20		5,20	4,47											0,31	0,42																								
83	Dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư Văn Xá 1 tại xã Văn Xá, huyện Kim Bảng (KB-ĐT44.23)	11,44		11,44	10,15											1,06	0,23																				Xã Văn Xá	DC 7, 8	1A	
	Đất ở nông thôn	6,16		6,16	5,37											0,56	0,23																								
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	0,93		0,93	0,93																																				
	Đất hạ tầng	4,35		4,35	3,85											0,50																									
84	Dự án Đầu tư xây dựng khu dân cư mới Đặng Xá tại xã Văn Xá, huyện Kim Bảng (KB-ĐT45.23)	14,47		14,47	10,56		0,07		2,30							1,00	0,47												0,06					0,01			Xã Văn Xá	PL 6, 7; DC 7, 8	1A	
	Đất ở nông thôn	7,34		7,34	6,11		0,07		0,13							0,50	0,47												0,06												
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	1,20		1,20	1,20																																				
	Đất hạ tầng	3,75		3,75	3,25											0,50																									
	Đất có mặt nước chuyên dùng	1,56		1,56					1,55																									0,01							
	Đất có mục đích công cộng	0,62		0,62					0,62																																
85	Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và nhà ở công nhân tại xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng	12,03		12,03	7,86				2,10							1,46	0,30								0,21									0,10			Xã Lê Hồ	DC 06 thửa 82, 83, 84, 85, 49, 50…	1A	
	Đất ở	3,01		3,01	2,10				0,53							0,38																									
	Đất giao thông	5,41		5,41	3,26				0,95							0,69	0,30								0,21																
	Đất cây xanh, mặt nước chuyên dùng	3,61		3,61	2,50				0,62							0,39																		0,10							
86	Khu Nhà ở phía Bắc đường T3 tại địa bàn xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng thuộc quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đất hoàn trả dự án đầu tư xây dựng tuyến đường nối đường vành đai 4 với đường vành đai 5 trên địa bàn tỉnh Hà Nam - vị trí 2 *(KB-ĐT.19.22-2)*	21,40		21,40	18,80				0,02							1,17	1,41																				Các xã: Đồng Hóa, Tân Sơn	Tân Sơn DC 07; Đồng Hoá DC 8, 9, 10	1B	
-	Xã Đồng Hoá	21,28		21,28	18,70				0,02							1,16	1,40																								
-	Xã Tân Sơn	0,12		0,12	0,10											0,01	0,01																								
	Đất ở	5,44		5,44	4,78				0,01							0,30	0,36																								
	Đất hạ tầng	9,58		9,58	8,42				0,01							0,52	0,63																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	6,38		6,38	5,61				0,01							0,35	0,42																								
87	Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị kết hợp chỉnh trang dân cư tại xã Hoàng Tây và xã Nhật Tựu, huyện Kim Bảng (KB-DT.24.22)	11,60		11,60	9,69											1,05	0,55								0,12								0,07	0,12			Các xã: Hoàng Tây, Nhật Tựu	Hoàng Tây DC 2, 3; Nhật Tựu DC 9, 10	2B	
-	Xã Hoàng Tây	7,70		7,70	6,34											0,66	0,40								0,12								0,06	0,12							
-	Xã Nhật Tựu	3,90		3,90	3,35											0,39	0,15																0,01								
	Đất ở	3,68		3,68	3,07											0,33	0,17								0,04								0,02	0,04							
	Đất giao thông	6,00		6,00	5,01											0,54	0,28								0,06								0,04	0,06							
	Đất cây xanh, khu vui chơi, mặt nước chuyên dùng	0,78		0,78	0,65											0,07	0,04								0,01								0,00	0,01							
	Đất có mặt nước chuyên dùng	1,16		1,16	0,95											0,10	0,06								0,02								0,01	0,02							
88	Đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện trạng phía Tây đường QL.1A (đoạn tránh TP. Phủ Lý) tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng (KB-DT.47.23)	12,80		12,80	9,82		0,30									0,98	0,60								0,03				1,07								Xã Nhật Tân	DC 02, 03 Tờ BĐ Nông nghiệp	2B	
	Đất ở	6,48		6,48	5,11		0,30																						1,07												

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	4,57		4,57	2,99											0,98	0,60																								
	Đất nghĩa trang nghĩa địa	0,03		0,03																					0,03																
	Đất cơ sở văn hoá	0,50		0,50	0,50																																				
	Đất mặt nước chuyên dùng	1,22		1,22	1,22																																				
89	Đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng (KB-DT.46.23)	9,40		9,40	8,84											0,33	0,23																				Xã Nhật Tân	DC 02, 03 Tờ BĐ Nông nghiệp	2B	
	Đất ở	4,10		4,10	3,54											0,33	0,23																								
	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	3,40		3,40	3,40																																				
	Đất cơ sở văn hoá	0,50		0,50	0,50																																				
	Đất cây xanh, khu vui chơi giải trí công cộng	1,40		1,40	1,40																																				
*	**Đất ở tại đô thị**																																								
90	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại thị trấn Quế, huyện Kim Bảng	6,94		6,94	6,52		0,07		0,22	0,13																											TT. Quế	PL20/118	1A	Đã thu hồi 6,36 ha
	Đất ở	1,74		1,74	1,63		0,02		0,06	0,03																															
	Đất giao thông	3,12		3,12	2,93		0,03		0,10	0,06																															
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	2,08		2,08	1,96		0,02		0,07	0,04																															
91	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (thôn Văn Lâm-vị trí 2)	2,78		2,78	2,65											0,10	0,03																				TT. Quế	PL25/6	1A	
	Đất ở	0,70		0,70	0,66											0,03	0,01																								
	Đất giao thông	1,25		1,25	1,19											0,05	0,01																								
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	0,83		0,83	0,80											0,03	0,01																								
92	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ các dự án (Khu vực Bưa Trên)	2,42		2,42		1,72	0,50		0,20																												TT. Ba Sao	DC19: 3700,3220,2500,3128,3135,2272,3920,1770,2052	1A	
	Đất ở	0,61		0,61		0,43	0,13		0,05																																
	Đất hạ tầng	1,09		1,09		0,77	0,23		0,09																																
	Đất công viên cây xanh, mặt nước và mục đích CC	0,73		0,73		0,52	0,15		0,06																																
93	Khu đô thị nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Ba Sao (KB-ĐT.11.22)	177,41		177,41		159,46				4,14						2,58	1,10	0,16		0,45					0,69					8,83							TT. Ba Sao	DC4,DC6	1A	
	Đất ở	59,79		59,79		50,51														0,45										8,83											
	Đất công trình văn hoá	4,91		4,91		3,91				1,00																															
	Đất giáo dục	2,91		2,91		2,91																																			
	Đất cơ sở y tế	3,17		3,17		3,17																																			
	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	36,41		36,41		33,83										2,58																									
	Đất cơ sở tín ngưỡng	0,16		0,16														0,16																							
	Đất công viên cây xanh mặt nước	55,56		55,56		53,57				1,30															0,69																
	Đất thuỷ lợi	14,50		14,50		11,56				1,84							1,10																								
*	**Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản**																																								
94	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu vực K36, Thanh Sơn, Kim Bảng	49,60		49,60																																49,60	Xã Thanh Sơn	T3VN2000	2A	
2.2	***Công trình, dự án khác***																																								
*	***Đất cụm công nghiệp***																																								
95	Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất các loại tấm SPC và các sản phẩm phụ trợ	4,20		4,20							4,20																										Xã Thi Sơn	ĐC 8 thửa 144, 123, 132, 174, 117, 129, 135, 175		
96	Nhà máy sản xuất cọc bê tông dự ứng cường lực độ cao fecon	2,97		2,97							2,97																										Xã Thi Sơn	DC 8 thửa 47, 48, 49…		Đã GPMB
*	***Đất thương mại, dịch vụ***																																								
97	Đầu tư Cơ sở dịch vụ thương mại tổng hợp Cát Nguyên tại thôn Cát Thường, xã Nguyễn Úy, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	0,25		0,25	0,25																																Xã Nguyễn Úy	PL 05 thửa 499, 498		
98	Khu dịch vụ thương mại Đông Dương	0,05		0,05												0,04	0,01																				Xã Khả Phong	PL 15 thửa 89		
*	***Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp***																																								
99	Nhà máy sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm về nhựa	3,00		3,00																														3,00			Xã Thanh Sơn	T2VN2000: 38		
100	Xây dựng cảng nhập, xuất và kho trung chuyển xăng dầu xã Thi Sơn, Kim Bảng	6,79		6,79	5,50								0,52			0,23	0,20								0,10								0,09	0,15			Xã Thi Sơn	DC 08; Thửa 02 PL 10		
*	***Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản***																																								
101	Dự án Xây dựng công trình mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	15,20	10,56	4,64	0,27				0,13	0,04						0,40	0,30																	1,00		2,50	Xã Tân Sơn	DC1vn2000: 21,22; DC7: 59-63,46,45,100,47,34,21,20,11,33,10,19,25-28,42,41,40,23,24,16,15,14,6,13,12,21		

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD					
102	Dự án Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	4,18		4,18				4,18																													Xã Thanh Sơn	T3VN2000: 26		
103	Khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường K36.1 núi cuối hồ Trứng, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng	8,00		8,00																																8,00	Xã Thanh Sơn	DC 03 tờ BĐ Lâm nghiệp		
104	Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác lộ thiên mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và xây dựng khu chế biến sâu các sản phẩm sau khai thác	15,17	11,90	3,27					3,26							0,00																					Xã Thanh Sơn	DC 01		
*	***Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm***																																								
105	ĐTXD hạ tầng khu sản xuất vật liệu xây dựng và bê tông xi măng	0,50		0,50				0,50																													Xã Thanh Sơn	T2vn2000: 82,83,86		
*	***Đất cơ sở thể dục thể thao***																																								
106	Cơ sở thể dục thể thao và thương mại Đại Cương	0,18		0,18			0,08		0,10																												Xã Đại Cương	DCPL1: 6		
*	***Đất cơ sở giáo dục và đào tạo***																																								
107	Công trình trường mầm non thôn Tân Lang, xã Tân Sơn	0,33		0,33	0,30											0,02	0,01																				Xã Tân Sơn	DCPL5:10,92		Đã thu hồi
108	Trường mầm non trung tâm xã Khả Phong	0,17		0,17	0,17																																Xã Khả Phong	DC 08 thửa 19, 20, 21, 22		Đã thu hồi, GPMB
*	***Đất giao thông***																																								
109	Xây dựng 4 tuyến đường trục xã Đồng Hóa	4,58		4,58	4,30												0,28																				Xã Đồng Hoá	DC5,DC6		Đã TH đất, đang làm thủ tục giao đất
110	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ QL.21B mới đến miếu Đồng Lạc, xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	1,80		1,80	0,04											1,50	0,26																				Xã Đồng Hoá	DC 14; PL 14		Đã thu hồi, GPMB
111	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Đồng Lạc đến miếu Đồng Lạc xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	1,50		1,50	1,45											0,05																					Xã Đồng Hoá	PL 11, 13		Đã thu hồi, GPMB
112	Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu du lịch Chùa Bà Đanh, huyện Kim Bảng	2,17		2,17	0,99	0,08			0,20				0,50			0,18	0,07													0,15							Các xã, thị trấn: Quế, Ngọc Sơn	TT. Quế DC 10, 09; Ngọc Sơn		
	TT. Quế	1,40		1,40	0,30	0,08			0,20				0,50			0,12	0,05													0,15											
-	Xã Ngọc Sơn	0,77		0,77	0,69											0,06	0,02																								
*	***Đất công trình năng lượng***																																								
113	Dự án đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Hòa Phát 6	0,04		0,04	0,04																																Xã Lê Hồ	DC 02 Tờ BĐ Nông nghiệp		
*	***Đất chợ***																																								
114	Đầu tư xây dựng Chợ Đại Cương	1,20		1,20	1,15											0,03	0,02																				Xã Đại Cương	DC5: 40,55,41,31,43,42,44,54,52,51,54,53,50,49,60,48,47,46; DCPL8: 168,182,188,212,225,268		
115	Dự án đầu tư xây dựng mở rộng chợ Thi Sơn	0,77		0,77		0,42																									0,35						Xã Thi Sơn	DCPL7:322		
*	***Đất ở***																																								
116	Đấu giá xã Thụy Lôi (Vị trí 3- thôn Trung Hòa)	0,09		0,09					0,09																												Xã Thụy Lôi	PL 2 thửa 22		Đã thu hồi
117	Đấu giá xã Thụy Lôi (Vị trí 5- thôn Hồi Trung)	0,17		0,17					0,17																												Xã Thụy Lôi	PL 2 thửa 78, 72		Đã thu hồi
118	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư thôn Lạc Nhuế, xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	0,34		0,34					0,34																												Xã Đồng Hoá	PL 02 thửa 44		Đã GPMB
119	Đầu tư xây dựng Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang khu dân cư thôn Đồng Lạc, xã Đồng Hóa, huyện Kim Bảng	1,00		1,00					1,00																												Xã Đồng Hoá	PL 13 thửa 244		Đã GPMB
120	Giao đất tái định cư	1,96		1,96	1,73											0,04	0,19																				Xã Khả Phong	DC 8, 9		Đã thu hồi, GPMB xong
121	Giao đất tái định cư	0,02		0,02																														0,02			Xã Khả Phong	PL 07		
122	Giao đất tái định cư	0,05		0,05	0,05																																Xã Đại Cương	DC 3		Đã thu hồi, GPMB xong
123	Đấu giá quyền sử dụng đất lô tồn xã Đồng Hoá	0,25		0,25																									0,25								Xã Đồng Hoá	PL 09 Tờ BĐ Nông nghiệp		
124	Đấu giá quyền sử dụng đất lô tồn xã Nhật tân	0,50		0,50																									0,50								Xã Nhật Tân	PL 09 Tờ BĐ Dân cư		
*	***Đất cơ sở tín ngưỡng***																																								
125	Tín ngưỡng Miếu thôn Yên Phú	0,77		0,77					0,77																												Xã Nhật Tựu	PL 14 thửa 117		
*	***Các dự án phát triển nông nghiệp***																																								
126	Đầu tư xây dựng khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao kết hợp thương mại dịch vụ tại xã: Thanh Sơn, Liên Sơn	4,80		4,80						3,99		0,47				0,34																					Các xã: Thanh Sơn, Liên Sơn	PL 10 thửa 26, 39		
*	**Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở**																																						**Chi tiết lại Phụ lục 01**		
127	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Lê Hồ	0,24		0,24		0,06	0,11		0,07																												Xã Lê Hồ			

STT	Hạng mục	Diện tích dự án (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm																																	Địa điểm	Vị trí trên tờ bản đồ địa chính tờ bản đồ, số thửa	Nghị quyết số 77/NQ-HĐND	Ghi chú
				Diện tích kế hoạch (ha)	Sử dụng vào loại đất																																				
					LUC	HNK	CLN	RSX	NTS	NKH	SKN	TMD	SKC	SKS	SKX	DGT	DTL	DVH	DYT	DGD	DTT	DNL	DRA	TON	NTD	DCH	DDL	DKV	ONT	ODT	TSC	TIN	SON	MNC	PNK	CSD				
128	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Thanh Sơn	0,33		0,33		0,16	0,13		0,04																												Xã Thanh Sơn			
129	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Khả Phong	2,61		2,61		2,26	0,23		0,12																												Xã Khả Phong			
130	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Đồng Hoá	1,81		1,81		0,35	1,05		0,41																												Xã Đồng Hoá			
131	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Tượng Lĩnh	0,25		0,25		0,12	0,07		0,06																												Xã Tượng Lĩnh			
132	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Thi Sơn	0,45		0,45		0,06	0,38		0,01																												Xã Thi Sơn			
133	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở xã Nhật Tựu	0,23		0,23		0,06	0,16																														Xã Nhật Tựu			
*	**Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích**																																					**Chi tiết lại Phụ lục 02**		
134	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Lê Hồ	26,89		26,89	7,49		0,15		13,69	5,56																											Xã Lê Hồ			
135	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Ngọc Sơn	13,68		13,68	2,90		6,23		4,54																												Xã Ngọc Sơn			
136	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Nhật Tân	11,68		11,68		8,30			3,38																												Xã Nhật Tân			
137	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Văn Xá	18,26		18,26	18,26																																Xã Văn Xá			
138	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Thanh Sơn	11,10		11,10	3,22		0,12		7,76																												Xã Thanh Sơn			
139	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Đại Cương	3,75		3,75			0,03		3,72																												Xã Đại Cương			
140	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Thụy Lôi	9,57		9,57	2,26	0,02	0,18		7,11																												Xã Thụy Lôi			
141	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Nhật Tựu	6,18		6,18	2,26	0,02	0,09		3,81																												Xã Nhật Tựu			
142	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Hoàng Tây	14,68		14,68	0,03		0,12		14,50																										0,04		Xã Hoàng Tây			
143	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thị trấn Quế	6,74		6,74					6,74																												TT. Quế			
144	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Khả Phong	1,55		1,55			0,23		1,32																												Xã Khả Phong			
145	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Đồng Hoá	4,79		4,79					4,79																												Xã Đồng Hoá			
146	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích thị trấn Ba Sao	18,86		18,86		9,74	5,23		3,89																												TT. Ba Sao			
147	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Liên Sơn	7,04		7,04			0,41		6,63																												Xã Liên Sơn			
148	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Tượng Lĩnh	8,03		8,03					0,78	7,25																											Xã Tượng Lĩnh			
149	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Tân Sơn	17,65		17,65	3,47	0,05	4,85		4,18	5,10																											Xã Tân Sơn			
150	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Thi Sơn	17,70		17,70																																	Xã Thi Sơn			
151	Đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích xã Nguyễn Uý	20,68		20,68																																	Xã Nguyễn Uý			
	Tổng	**3.051,94**	**604,27**	**2.447,67**																																					